

Ngày 19/8
Số: TT²; VG/XTD, ULXD
VKS/XTD, Cục QLNV

BSP

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33 /2011/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 15 tháng 8 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

BỘ XÂY DỰNG
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 12493
Ngày: 19/8/2011

**Quy định giá nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc
trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Thông tư số 05/BXD/ĐT ngày 09 tháng 02 năm 1993 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định diện tích sử dụng và phân cấp nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 33/2009/TT-BXD ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Bộ Xây dựng về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phân loại, phân cấp công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26 tháng 05 năm 2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BXD ngày 22 tháng 02 năm 2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và công bố chỉ số giá xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1295/TTr-SXD ngày 18 tháng 07 năm 2011 và Báo cáo thẩm định số 796/BC-STP ngày 21 tháng 07 năm 2011 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này gồm:

1. Bảng giá nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc.
2. Bảng phân cấp nhà ở.
3. Bảng phân cấp công trình xây dựng.

Điều 2. Bảng giá nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc kèm theo Quyết định này là căn cứ để:

1. Xác định giá trị tài sản khi: giao vốn, thanh lý tài sản; bán đấu giá nhà ở, công trình xây dựng; bán nhà thuộc sở hữu nhà nước.

15

2. Bồi thường thiệt hại về nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và các công trình phát triển kinh tế của địa phương.

3. Tính thuế trước bạ và các nghĩa vụ tài chính khác.

Điều 3. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan căn cứ hướng dẫn của Thông tư số 02/2011/TT-BXD ngày 22/02/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và công bố chỉ số giá xây dựng và tình hình biến động giá xây dựng trên địa bàn tỉnh tổ chức xác định và công bố kịp thời các chỉ số giá xây dựng nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc.

Điều 4. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với những dự án đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng hoặc không điều chỉnh theo quy định của Quyết định này.

2. Đối với những dự án đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước khi Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo quy định của Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký ban hành; thay thế Quyết định số 1709/2010/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ Quyết định thi hành ./.

Nơi nhận: *W*

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Ninh Thuận;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh;
- HĐND các huyện, thành phố;
- Công báo, Website Ninh Thuận;
- Lưu: VT, XD CB (Ninh, Hòa).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Thanh
Nguyễn Đức Thanh

BẢNG GIÁ

Nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc
(Ban hành kèm theo Quyết định số 33 /2011/QĐ-UBND
ngày 15/8 /2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. BẢNG GIÁ NHÀ Ở

Thứ tự	Loại nhà	Giá nhà ở (đồng/m ²)
(1)	(2)	(3)
I	Nhà ở cấp II cao > 3 tầng	
01	Loại A	3,720,000
02	Loại B	3,410,000
03	Loại C	3,160,000
II	Nhà ở cấp II cao 3 tầng	
01	Loại A	3,590,000
02	Loại B	3,220,000
03	Loại C	2,970,000
III	Nhà ở cấp II cao 2 tầng	
01	Loại A	3,410,000
02	Loại B	3,160,000
03	Loại C	2,730,000
IV	Nhà ở cấp III cao 1 tầng (mái BTCT)	
01	Loại A	2,420,000
02	Loại B	2,290,000
03	Loại C	2,100,000
V	Nhà ở cấp IV 1 tầng (mái tôn, ngói)	
01	Loại A	1,840,000
02	Loại B	1,700,000
03	Loại C	1,570,000
VI	Nhà tạm nền xi măng	
01		540,000
VII	Nhà tạm nền đất	
01		350,000



B. BẢNG GIÁ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Thứ tự	Loại công trình	Giá công trình xây dựng (đồng/m²)
(1)	(2)	(3)
I	Công trình cấp III cao >= 4 tầng	
01	Loại A	3,720,000
02	Loại B	3,410,000
03	Loại C	3,160,000
II	Công trình cấp IV cao 3 tầng	
01	Loại A	3,590,000
02	Loại B	3,220,000
03	Loại C	2,970,000
III	Công trình cấp IV cao 2 tầng	
01	Loại A	3,410,000
02	Loại B	3,160,000
03	Loại C	2,730,000
IV	Công trình cấp IV cao 1 tầng (mái BTCT)	
01	Loại A	2,420,000
02	Loại B	2,290,000
03	Loại C	2,100,000
V	Công trình cấp IV, 1 tầng (mái tôn hoặc ngói)	
01	Loại A	1,840,000
02	Loại B	1,700,000
03	Loại C	1,570,000

45

C. BẢNG GIÁ VẬT KIẾN TRÚC

STT	Vật kiến trúc	Đơn vị tính	Đơn giá
1	Khối đá chẻ vữa xi măng	đồng/m ³	930,000
2	Khối xây gạch vữa xi măng	đồng/m ³	836,000
3	Khối xây gạch bê tông xi măng	đồng/m ³	888,000
4	Tường rào xây gạch		
	- Cao < 1m	đồng/m	233,000
	- Cao 1 - 1,5 m	đồng/m	344,000
	- Cao 1,6 - 2,0 m	đồng/m	436,000
5	Tường rào xây gạch, trụ gạch có song sắt và hoa sắt kết hợp		
	- Cao < 1,5 m	đồng/m	323,000
	- Cao 1,5 - 2,0 m	đồng/m	414,000
6	Tường rào khung thép kẽm gai hoặc lưới B40, trụ gạch hoặc cọc sắt hoặc trụ bê tông		
	- Cao < 1,5 m	đồng/m	176,000
	- Cao 1,5 - 2,0 m	đồng/m	226,000
7	Mương xây gạch (0,2*0,2*0,1)m	đồng/m	95,000
8	Mương xây gạch (0,4*0,4*0,1)m	đồng/m	196,000
9	Trát đá rửa	đồng/m ²	135,000
10	Óp gạch men	đồng/m ²	200,000
11	Trụ xây gạch	đồng/m ³	836,000
12	Trụ bê tông có cốt thép	đồng/m ³	4,485,000
13	Đan bê tông dày 0,07m (có cốt thép)	đồng/m ²	314,000
14	Khối bê tông không cốt thép	đồng/m ³	1,823,000
15	Hồ nước xây gạch (tính cho 1m ³ thể tích hồ)	đồng/m ³	739,000
16	Hồ nước xây đá chẻ (tính cho 1m ³ thể tích hồ)	đồng/m ³	920,000
17	Hồ chuyên dùng có chống thấm xây gạch (tính cho 1m ³ thể tích hồ)	đồng/m ³	813,000
18	Hồ chuyên dùng có chống thấm xây đá chẻ (tính cho 1m ³ thể tích hồ)	đồng/m ³	1,012,000
19	Giếng bơm UNICEP có tay bơm, đường kính ống 49mm	đ/giếng	1,600,000
20	Giếng bi đúc		
	Đường kính trong 0,7m cao 0,5m		

K

	- Không vành miệng	đồng/cái	80,000
	- Có vành miệng	đồng/cái	100,000
	Đường kính trong 0,8m cao 0,5m		
	- Không vành miệng	đồng/cái	100,000
	- Có vành miệng	đồng/cái	120,000
	Đường kính trong 1,0m cao 0,5m		
	- Không vành miệng	đồng/cái	150,000
	- Có vành miệng	đồng/cái	180,000
21	Giếng xây gạch dày 10cm đường kính 2m	đồng/m	1,230,000
22	Giếng xây gạch dày 10cm đường kính 3m	đồng/m	1,852,000
23	Sân gạch thẻ	đồng/m ²	127,000
24	Sân gạch lá nem (bát trắng)	đồng/m ²	144,000
25	Sân gạch hoa	đồng/m ²	191,000
26	Sân lát gạch men gốm	đồng/m ²	180,000
27	Sân láng xi măng	đồng/m ²	99,000
28	Sân bãi bê tông	đồng/m ²	169,000
29	Sân lót đá 4*6cm, trên rải đá mi bụi	đồng/m ²	97,000
30	Sân đá dăm láng nhựa 3,0kg/m ² (chưa tính móng)	đồng/m ²	107,000
31	Mái che cột kèo gỗ tận dụng, mái vải dầu	đồng/m ²	166,000
32	Mái che cột kèo gỗ, mái tôn kẽm, tôn xi măng, mái ngói	đồng/m ²	232,000
33	Mái che cột kèo sắt, mái tôn, mái ngói	đồng/m ²	392,000
34	Mái che cột xây gạch, mái tôn kẽm, phibro xi măng	đồng/m ²	417,000
35	Chuồng nuôi gia súc xây tường, láng nền, mái che tôn hoặc ngói	đồng/m ²	402,000
36	Chuồng nuôi gia súc không xây tường, láng nền, mái che tôn hoặc ngói	đồng/m ²	236,000
37	Chuồng gia súc sàn gỗ, mái tôn	đồng/m ²	274,000
38	Tháo dỡ mái ngói, mái tôn (kể cả kết cấu đỡ mái)		
	- Mái ngói	đồng/m ²	33,000
	- Mái tôn	đồng/m ²	14,000
39	Tháo dỡ rào lưới thép, thép gai, rào gỗ	đồng/m	6,000
40	Tháo dỡ khung hoa sắt	đồng/m ²	15,000
41	Tháo dỡ giàn nho	đồng/m ²	6,000
42	Đào ao, đào mương, đất cấp 3		
	- Bằng thủ công	đồng/m ³	63,000
	- Bằng máy	đồng/m ³	25,000

43	Bồi thường (di dời) mộ đất	đồng/mộ	1,230,000
44	Bồi thường (di dời) mộ xây gạch, đá chẻ diện tích < 4m ²	đồng/mộ	3,450,000
45	Bồi thường (di dời) mộ xây gạch, đá chẻ diện tích >= 4m ²	đồng/mộ	3,820,000
	Đối với mộ có ốp gạch men tính bằng mộ xây gạch, đá chẻ cộng với chi phí ốp gạch men (diện tích nhân với đơn giá)		
46	Di dời đồng hồ nước	đồng/cái	1,665,000
47	Bồi thường điện thoại cố định có dây trong thành phố Phan Rang-Tháp Chàm	đồng/cái	250,000
48	Bồi thường điện thoại cố định có dây tại các huyện	đồng/cái	250,000
49	Bồi thường di dời đồng hồ điện		
	- Đồng hồ điện chính	đồng/cái	650,000
	- Đồng hồ điện phụ	đồng/cái	400,000

Ghi chú:

1. Việc xác định công tác đào ao, đào mương bằng thủ công hay bằng máy: do Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các huyện, thành phố phối hợp với địa phương kiểm tra thực tế hoặc theo hóa đơn, chứng từ để xác định;

2. Các loại vật kiến trúc không có trong bảng giá này thì Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các huyện, thành phố lập dự toán trình Sở Xây dựng thẩm định.

u/



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc


BẢNG PHÂN CẤP NHÀ Ở

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33 /2011/QĐ-UBND ngày 15/8/2011 của UBND tỉnh Ninh Thuận)

Cấp nhà ở	Kết cấu nhà	Trang thiết bị và hoàn thiện	Tiện nghi sử dụng	Niên hạn sử dụng
Cấp II A	- Móng, khung chịu lực bê tông cốt thép, tường xây gạch, sàn, mái bê tông cốt thép. Cao ≥ 3 tầng	- Trần trang trí mỹ thuật bằng vật liệu cao cấp, gỗ (nhóm 1), thạch cao cao cấp, simili các loại; nhôm Dura, nhựa - Tường bên ngoài sơn matic đặc biệt; ốp đá granite, gạch granite, gạch ceramic cao cấp; - Tường bên trong sơn matic đặc biệt, ốp gạch trang trí đặc biệt; - Cửa kính khung nhôm ngoại; cửa kính khung sắt sơn giả gỗ hoặc sơn tĩnh điện; cửa gỗ nhóm 1 sơn P.U cửa 2 lớp; - Nền lát gạch ceramic cao cấp, đá granite cao cấp; - Mỗi phòng ở có khu vực vệ sinh riêng.	- Tiện nghi vệ sinh đảm bảo sinh hoạt cho từng tầng, thiết bị vệ sinh nước ngoài; - Điện, nước đảm bảo sử dụng và tiện nghi tối đa.	> 50 năm
Cấp II B	Tương tự kết cấu nhà cấp IIA Cao ≥ 3 tầng	- Trần trang trí bằng vật liệu gỗ (nhóm 2), thạch cao loại trung bình, nhựa tổng hợp trung bình; - Tường bên ngoài sơn matic, ốp đá, ốp gạch loại trung bình; - Tường bên trong sơn matic; - Cửa kính khung nhôm loại thường, cửa kính khung sắt, cửa gỗ nhóm 2 hoặc cửa kéo Đài Loan; - Nền lát gạch ceramic cao cấp, đá granite loại trung bình.	- Tiện nghi vệ sinh đảm bảo sinh hoạt từng tầng, thiết bị vệ sinh liên doanh; - Điện, nước đảm bảo sử dụng.	>50 năm



Cấp II C	<p>Tương tự kết cấu nhà cấp IIA Cao ≥ 3 tầng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trần trang trí bằng vật liệu gỗ (nhóm 3), ván ép có sơn, ván ép Focmica; - Tường bên ngoài quét vôi, hoặc tô đá rửa; - Tường bên trong quét vôi; - Cửa kính khung sắt, cửa gỗ (nhóm 3) sơn; - Nền lát gạch ceramic thường hoặc gạch hoa, xi măng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiện nghi vệ sinh đảm bảo sinh hoạt cho từng tầng, thiết bị vệ sinh trong nước; - Điện, nước đảm bảo sử dụng. 	>50 năm
Cấp II A	<p>- Móng, khung chịu lực bê tông cốt thép, tường xây gạch bao che, mái bê tông cốt thép hoặc lợp ngói, tôn. Cao 2 tầng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trần trang trí mỹ thuật bằng vật liệu cao cấp, gỗ (nhóm 1, 2), thạch cao cao cấp, nhựa tổng hợp cao cấp, simili các loại; - Tường bên ngoài sơn matic đặc biệt hoặc ốp lát đá granite, gạch granite, gạch ceramic; - Tường bên trong sơn matic, ốp gạch men; - Cửa kính khung nhôm ngoại, cửa kính khung sắt hoặc cửa gỗ (nhóm 1, 2), cửa 2 lớp; - Nền lát gạch ceramic, đá granite, đá mài; - Mỗi phòng ở có khu vực riêng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiện nghi vệ sinh đảm bảo sinh hoạt cho từng tầng, thiết bị vệ sinh nước ngoài hoặc liên doanh; - Điện, nước đảm bảo sử dụng. 	≥50 năm
Cấp II B	<p>Tương tự kết cấu nhà cấp IIA Cao 2 tầng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trần trang trí bằng vật liệu gỗ (nhóm 3), thạch cao, nhựa ghép, ván ép có sơn, ván ép Focmica; - Tường bên trong, bên ngoài sơn matic; - Cửa kính khung nhôm loại thường, cửa kính khung sắt, cửa gỗ nhóm 3; - Nền lát gạch ceramic, lát gạch hoa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiện nghi vệ sinh đảm bảo sinh hoạt cho từng tầng, thiết bị vệ sinh liên doanh; - Điện, nước đảm bảo sử dụng. 	≥50 năm
Cấp II C	<p>Tương tự kết cấu nhà cấp IIA Cao 2 tầng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trần trang trí bằng vật liệu gỗ (nhóm 3), nhựa ghép, ván ép có sơn; - Tường bên ngoài quét vôi, hoặc đá rửa; - Tường bên trong quét vôi; - Cửa kính khung sắt, cửa gỗ (nhóm 3) sơn; - Nền lát gạch hoa, láng xi măng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiện nghi vệ sinh đảm bảo sinh hoạt cho từng tầng, thiết bị vệ sinh trong nước; - Điện, nước đảm bảo sử dụng. 	≥50 năm

Cấp III A	<p>- Tường xây gạch chịu lực, sàn mái bê tông cốt thép;</p> <p>- Tường xây gạch chịu lực hoặc tường xây gạch kết hợp cột móng bê tông, sàn mái bê tông cốt thép.</p> <p>Cao 1 tầng</p>	<p>- Trần trang trí bằng vật liệu gỗ (nhóm 2), thạch cao loại trung bình, nhựa tổng hợp loại trung bình, trần sơn matic;</p> <p>- Tường bên ngoài sơn matic, ốp lát, ốp gạch loại trung bình;</p> <p>- Tường bên trong sơn matic;</p> <p>- Cửa kính khung nhôm, cửa kính khung nhôm sắt hoặc cửa gỗ (nhóm 3), cửa sắt kéo;</p> <p>- Nền lát gạch granite, gạch ceramic loại trung bình.</p>	<p>- Tiện nghi vệ sinh, điện, nước đảm bảo sử dụng chung cho toàn căn hộ.</p>	<p>≥20 năm</p> 
Cấp III B	<p>Tường tự kết cấu nhà cấp IIIA</p> <p>Cao 1 tầng</p>	<p>- Trần thạch cao, trần ván ép sơn matic, ván ép Focornica;</p> <p>- Tường bên ngoài sơn matic loại trung bình, trát đá rửa;</p> <p>- Tường bên trong sơn matic loại trung bình;</p> <p>- Cửa kính khung nhôm, cửa kính khung sắt, cửa gỗ nhóm 3;</p> <p>- Nền lát gạch ceramic loại trung bình, lát gạch hoa;</p>	<p>- Tiện nghi vệ sinh, điện, nước đảm bảo sử dụng chung cho toàn căn hộ.</p>	<p>≥20 năm</p>
Cấp III C	<p>Tường tự kết cấu nhà cấp IIIA</p> <p>Cao 1 tầng</p>	<p>- Trần quét vôi;</p> <p>- Tường bên ngoài, bên trong quét vôi;</p> <p>- Cửa kính khung sắt, cửa gỗ nhóm 3 sơn;</p> <p>- Nền lát gạch hoa, gạch granite loại thường láng xi măng.</p>	<p>- Tiện nghi vệ sinh, điện, nước đảm bảo sử dụng chung cho toàn căn hộ.</p>	<p>≥20 năm</p>

Cấp IV A	<ul style="list-style-type: none"> - Tường xây gạch, Trụ gạch hoặc trụ thép; - Mái lợp tôn kẽm, tôn Fibrô ximăng, ngói; - Móng xây đá chẻ. <p>Cao 1 tầng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trần ván ép sơn, nhựa ghép, cốt ép sơn, gỗ tận dụng; - Tường trong nhà, ngoài nhà quét vôi; - Cửa panô gỗ, cửa gỗ kính; - Nền lát gạch hoa, gạch gốm, láng vữa ximăng; 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiện nghi vệ sinh chung cho toàn căn hộ. 	< 20 năm
Cấp IV B	<ul style="list-style-type: none"> Tường tự kết cấu nhà cấp IV A <p>Cao 1 tầng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Không đóng trần; - Tường trong nhà, ngoài nhà quét vôi; - Cửa gỗ. - Nền lát gạch hoa ximăng, láng vữa ximăng, lát gạch thê. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiện nghi vệ sinh chung cho toàn căn hộ. 	< 20 năm
Cấp IV C	<ul style="list-style-type: none"> - Tường xây gạch, Trụ gạch hoặc trụ thép; sử dụng thanh kèo gỗ, thép; - Móng xây gạch block. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không đóng trần; - Tường trát hoặc không trát; - Cửa gỗ ván ép; - Nền láng vữa ximăng, lát gạch thê hoặc gạch Tàu chống nóng 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiện nghi vệ sinh không có hoặc tách rời căn hộ. 	< 20 năm

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG PHÂN CẤP CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33 /2011/QĐ-UBND ngày 15/8 /2011 của UBND tỉnh Ninh Thuận)

Cấp công trình xây dựng	Kết cấu nhà	Trang thiết bị và hoàn thiện	Tiện nghi sử dụng	Niên hạn sử dụng
Cấp III A	- Móng, khung chịu lực bê tông cốt thép, tường xây gạch bao che, sàn, mái bê tông cốt thép. Tương tự kết cấu nhà cấp III A Cao ≥ 4 tầng	- Trần trang trí mỹ thuật bằng vật liệu cao cấp, gỗ (nhóm I), thạch cao cao cấp, simili các loại; nhôm Dura, nhựa tổng hợp cao cấp; - Tường bên ngoài sơn matic đặc biệt hoặc ốp đá granite, gạch granite, gạch ceramic cao cấp; - Tường bên trong sơn matic đặc biệt, ốp gạch trang trí đặc biệt; - Cửa kính khung nhôm ngoại; cửa kính khung sắt sơn giả gỗ hoặc sơn tĩnh điện; cửa gỗ nhóm 1 sơn P. U cửa 2 lớp; - Nền lát gạch ceramic cao cấp, đá granite cao cấp; - Mỗi phòng ở có khu vực vệ sinh riêng. - Trần trang trí bằng vật liệu gỗ (nhóm 3), thạch cao thường, nhựa ghép, ván ép Foocmica; - Tường bên ngoài sơn matic hoặc ốp gạch ceramic; - Tường bên trong sơn nước; - Cửa kính khung nhôm, cửa kính khung sắt, khung gỗ hoặc cửa kéo Đài Loan; - Nền lát gạch ceramic cao cấp, gạch granite.	- Tiện nghi vệ sinh đảm bảo sinh hoạt cho từng tầng; - Điện, nước đảm bảo sử dụng.	> 50 năm
Cấp III B	Tương tự kết cấu nhà cấp III A Cao ≥ 4 tầng	- Trần trang trí mỹ thuật bằng vật liệu cao cấp, gỗ (nhóm I), thạch cao cao cấp, simili các loại; nhôm Dura, nhựa tổng hợp cao cấp; - Tường bên ngoài sơn matic đặc biệt hoặc ốp đá granite, gạch granite, gạch ceramic cao cấp; - Tường bên trong sơn matic đặc biệt, ốp gạch trang trí đặc biệt; - Cửa kính khung nhôm ngoại; cửa kính khung sắt sơn giả gỗ hoặc sơn tĩnh điện; cửa gỗ nhóm 1 sơn P. U cửa 2 lớp; - Nền lát gạch ceramic cao cấp, đá granite cao cấp; - Mỗi phòng ở có khu vực vệ sinh riêng. - Trần trang trí bằng vật liệu gỗ (nhóm 3), thạch cao thường, nhựa ghép, ván ép Foocmica; - Tường bên ngoài sơn matic hoặc ốp gạch ceramic; - Tường bên trong sơn nước; - Cửa kính khung nhôm, cửa kính khung sắt, khung gỗ hoặc cửa kéo Đài Loan; - Nền lát gạch ceramic cao cấp, gạch granite.	- Tiện nghi vệ sinh đảm bảo sinh hoạt cho từng tầng; - Điện, nước đảm bảo sử dụng.	>50 năm



Cấp III C	Tương tự kết cấu nhà cấp IIIA Cao ≥ 4 tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Trần trang trí bằng vật liệu gỗ (nhóm 3), ván ép thường, ván ép Foomica; - Tường bên ngoài quét vôi, hoặc tô đá rửa; - Tường bên trong quét vôi; - Cửa kính khung sắt hoặc Panô gỗ nhóm 3, cửa sắt kéo; - Nền lát gạch ceramic thường, gạch hoa, láng ximăng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trần trang trí bằng vật liệu gỗ nhóm 3, thạch cao thường, nhựa tổng hợp ván ép Foomica; - Tường bên ngoài sơn nước, ốp gạch và đá trang trí; - Tường bên trong sơn matic; - Cửa kính khung nhôm, kính khung sắt hoặc gỗ hoặc cửa sắt kéo; - Nền lát gạch ceramic, gạch granite, đá mài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiện nghi vệ sinh đảm bảo sinh hoạt cho từng tầng; - Điện, nước đảm bảo sử dụng. 	>50 năm
Cấp IV A	<ul style="list-style-type: none"> - Móng, khung chịu lực bê tông cốt thép, tường xây gạch bao che. Cao 3 tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Trần trang trí vật liệu bằng gỗ nhóm 3, thạch cao thường, nhựa tổng hợp ván ép Foomica; - Tường bên ngoài sơn nước, ốp gạch và đá trang trí; - Tường bên trong sơn matic; - Cửa kính khung nhôm, kính khung sắt hoặc gỗ hoặc cửa sắt kéo; - Nền lát gạch ceramic, gạch granite, đá mài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiện nghi vệ sinh bố trí ghép với tầng liền kề; - Điện, nước đảm bảo sử dụng. 	>50 năm	
Cấp IV B	Tương tự kết cấu nhà cấp IVA Cao 3 tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Trần thạch cao, nhựa ghép, ván ép có sơn, ván ép Foomica; - Tường bên trong, bên ngoài sơn matic; - Cửa kính khung nhôm, cửa kính khung sắt hoặc gỗ, hoặc cửa sắt kéo; - Nền lát gạch ceramic, lát gạch hoa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trần thạch cao, nhựa ghép, ván ép có sơn, ván ép Foomica; - Tường bên trong, bên ngoài sơn matic; - Cửa kính khung nhôm, cửa kính khung sắt hoặc gỗ, hoặc cửa sắt kéo; - Nền lát gạch ceramic, lát gạch hoa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiện nghi vệ sinh bố trí ghép với tầng liền kề; - Điện, nước đảm bảo sử dụng. 	>50 năm
Cấp IV C	Tương tự kết cấu nhà cấp IVA Cao 3 tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Trần thạch cao, nhựa ghép, ván ép có sơn, ván ép Foomica; - Tường bên trong, bên ngoài quét vôi; - Cửa kính khung sắt hoặc gỗ, hoặc cửa sắt kéo; - Nền lát gạch hoa ximăng, lát gạch ceramic, láng ximăng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trần thạch cao, nhựa ghép, ván ép có sơn, ván ép Foomica; - Tường bên trong, bên ngoài quét vôi; - Cửa kính khung sắt hoặc gỗ, hoặc cửa sắt kéo; - Nền lát gạch hoa ximăng, lát gạch ceramic, láng ximăng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiện nghi vệ sinh bố trí ghép với tầng liền kề; - Điện, nước đảm bảo sử dụng. 	>50 năm
Cấp IV A	<ul style="list-style-type: none"> - Móng, khung chịu lực bê tông cốt thép, tường 	<ul style="list-style-type: none"> - Trần trang trí bằng vật liệu gỗ (nhóm 3), thạch cao, nhựa tổng hợp, ván ép sơn, ván ép Foomica; - Tường bên ngoài sơn matic, ốp gạch đá trang trí, trát 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiện nghi vệ sinh, điện, nước đảm bảo sử dụng. 	>50 năm	

	xây gạch bao che. Cao 2 tầng	<ul style="list-style-type: none"> - đá rửa; - Tường bên trong sơn matic; - Cửa kính khung nhôm, cửa kính khung sắt hoặc cửa gỗ, cửa sắt kéo; - Nền lát gạch granite, gạch ceramic. 		
Cấp IV B	Tường tự kết cấu nhà cấp IV A Cao 2 tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Trần thạch cao, nhựa ghép, ván ép sơn, ván ép Focmica; - Tường bên ngoài, bên trong sơn matic - Cửa kính khung nhôm, cửa kính khung sắt, hoặc cửa gỗ, hoặc cửa sắt kéo; - Nền lát gạch ceramic loại, lát gạch hoa; 	- Tiện nghi vệ sinh, điện, nước đảm bảo sử dụng.	>50 năm
Cấp IV C	Tường tự kết cấu nhà cấp IV A Cao 2 tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Trần thạch cao, nhựa ghép, ván ép sơn, ván ép Focmica; - Tường bên ngoài, bên trong quét vôi - Cửa kính khung sắt, hoặc cửa gỗ, hoặc cửa sắt kéo; - Nền lát gạch hoa ximăng, gạch ceramic loại thường, láng xi măng thường; 	- Tiện nghi vệ sinh, điện, nước đảm bảo sử dụng.	>50 năm
Cấp IV A	- Móng xây đá chẻ. - Tường xây gạch chịu lực hoặc khung chịu lực, tường xây gạch bao che Cao 1 tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Trần trang trí vật liệu bằng gỗ nhóm 3, thạch cao, nhựa tổng hợp, nhựa ghép, ván ép Focmica; - Tường bên ngoài sơn matic, ốp gạch Ceramic, trái đá rửa; - Tường bên trong sơn matic; - Cửa kính khung nhôm, cửa kính khung sắt hoặc cửa gỗ, hoặc cửa sắt kéo; - Nền lát gạch ceramic. 	- Tiện nghi vệ sinh điện nước đảm bảo sử dụng chung cho toàn căn hộ	> 20 năm



Cấp IV B	Tương tự kết cấu nhà cấp IV A Cao 1 tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Trần thạch cao, nhựa ghép, ván ép sơn, ván ép Focmica; - Tường bên ngoài, bên trong quét vôi - Cửa kính khung sắt, hoặc cửa gỗ, hoặc cửa sắt kéo; - Nền lát gạch ceramic loại thường, gạch hoa, láng ximăng; 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiện nghi vệ sinh điện nước đảm bảo sử dụng chung cho toàn căn hộ 	> 20 năm
Cấp IV C	Tương tự kết cấu nhà cấp IV A Cao 1 tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Trần thạch cao, nhựa ghép, ván ép sơn, ván ép Focmica; - Tường bên ngoài, bên trong quét vôi - Cửa kính khung sắt, hoặc cửa gỗ, hoặc cửa sắt kéo; - Nền lát gạch hoa ximăng, gạch ceramic hoặc vật liệu khác có giá trị thấp hơn, láng ximăng; 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiện nghi vệ sinh điện nước đảm bảo sử dụng chung cho toàn căn hộ 	> 20 năm